TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 406/2023/DS-PT
Ngày: 24/8/2023
V/v : Tranh chấp tài sản thừa kế, hủy GCNQSDĐ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn V

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học

Ông Phạm Việt Hà.

Thư ký Tòa án: Bà Đặng Thị Xuân Th, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số : 218/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp tài sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", do có kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 9423/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị C, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn Trung Thượng, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bà Lê Thị Cáng, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Trung Ngoại, xã Hoằng Yến, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3. Bà Lê Thị Bảy, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn 5, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; có mặt.

4. Bà Lê Thị Khánh, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Đại Trường, xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn:* Ông Đào Xuân Cơ, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 07 Phú Chung, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19/5/2022); có mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Lê Văn Th, sinh năm 1974; nơi ĐKHKTT: Thôn 5, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Thôn Trung Thượng, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Ông Lê Văn Th: Ông Trương Quốc Văn, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 11 Lý Đạo Thành, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lê Văn Thơi, sinh năm 1957, có mặt;

2. Anh Lê Văn Thuận, sinh năm 1988, vắng mặt;

3. Chị Đoàn Thị Dung, sinh năm 1988, có mặt;

4. Bà Lê Thị Ngay, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn Trung Thượng, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Thơi: Ông Trương Quốc Văn, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 11 phố Lý Đạo Thành, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

5. Bà Lê Thị Cừ, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ 2, ấp 2, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; có mặt.

6. Bà Lê Thị Sợi, sinh năm 1975; nơi đăng ký HKTT: Thôn 5, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Thôn Trung Thượng, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

7. Uỷ ban nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ trụ sở: Thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Hải - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (theo giấy ủy quyền 04/02/2023).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Hiền - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường; vắng mặt.

8. Ủy ban nhân dân xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ trụ sở: Xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Xuân Tiến - Chức vụ: Chủ tịch UIBND xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Lê Văn Cầm, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn 6, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1978; địa chỉ: Số nhà 30, phố 12, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án tóm tắt như sau:Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đồng nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn trình bày:

Bố mẹ các bà là cụ Lê Văn Cơi (mất năm 2014) và cụ Lê Thị Ngơ (mất năm 1991). Hai cụ sinh được 08 người con gồm: Bà Lê Thị C, bà Lê Thị Cáng, bà Lê Thị Bảy, bà Lê Thị Khánh, bà Lê Thị Cừ, bà Lê Thị Ngay, ông Lê Văn Thơi và Ông Lê Văn Th. Khi cụ Cơi và cụ Ngơ còn sống đã tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 144, tờ bản đồ số 03, diện tích 2100m^2; Loại đất T theo hồ sơ 299/TTg lập năm 1985. Theo hồ sơ địa chính lập năm 1996: tương ứng thửa đất số 71, tờ bản đồ số 06, diện tích 1892m^2, loại đất T; chủ sử dụng đất là ông Lê Văn Cơi. Bố mẹ các bà đã ở ổn định, không tranh chấp và cũng đã chết tại mảnh đất này. Khi chết hai cụ không để lại di chúc. Sau khi bố mẹ các bà chết, gia đình đã nhiều lần họp bàn để phân chia di sản thừa kế mà bố mẹ các bà để lại nhưng Ông Lê Văn Th không đồng và có ý định sử dụng toàn bộ diện tích đất trên. Các bà đã làm đơn đề nghị UBND xã Hoằng Hải giải quyết. Ngày 07/04/2022, UBND xã Hoằng Hải đã tổ chức buổi hòa giải. Tại buổi hòa giải này Ông Lê Văn Th khai ông Thảnh đã được UBND huyện Hoằng Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) theo GCNQSDĐ số vào sổ: H00089, diện tích 1892m^2, ngày cấp: 30/9/2004 mang tên Ông Lê Văn Th và bà Lê Thị Sợi mà nguồn gốc đất Ông Lê Văn Th đứng tên là của bố mẹ các bà. Việc UBND huyện Hoằng Hóa cấp GCNQSDĐ cho Ông Lê Văn Th và bà Lê Thị Sợi đối với quyền sử dụng đất của bố mẹ các bà sau khi cụ Ngơ chết (năm 1991), Cụ Cơi đang còn sống mà các bà không được biết và không ký vào bất kỳ giấy tờ nào để cho Ông Lê Văn Th được cấp GCNQSDĐ nên việc cấp GCNQSDĐ là không đúng quy định của pháp luật.

Nay đồng nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: H00089 tại thửa đất số 71. Tờ bản đồ số 6, diện tích: 1892m^2 do UBND huyện Hoằng Hóa cấp ngày: 30/9/2004 mang tên Lê Văn Thảnh và bà Lê Thị Sợi.

2. Chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 06, diện tích 1892m^2, loại đất T; chủ sử dụng đất là ông Lê Văn Cơi theo hồ sơ địa chính lập năm 1996 của bố mẹ các bà để lại theo quy định của pháp luật. Địa chỉ thửa đất tại thôn Trung Thượng, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Khi được Tòa án chia thừa kế, kỷ phần các bà được hưởng xin được nhận bằng quyền sử dụng đất. Giá trị quyền sử dụng đất của bố mẹ các bà để lại khoảng 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

***** *Bị đơn là Ông Lê Văn Th trình bày:*

Về họ tên bố mẹ, anh chị em trong gia đình, nguồn gốc đất là của bố mẹ như nguyên đơn trình bày trên là đúng. Ông ở với bố mẹ từ nhỏ, mẹ mất ông ở với bố, khi bố ông còn tỉnh táo có nói với ông đến UBND xã làm trích lục đất cho ông,

nhưng không có giấy tờ gì về việc cho đất và cũng không tổ chức họp gia đình. Do đó ngày 30/9/2004, vợ chồng ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: H00089 tại thửa đất số 71. Tờ bản đồ số 6, diện tích: 1892m^2 do UBND huyện Hoằng Hóa cấp, mang tên Lê Văn Thảnh và bà Lê Thị Sợi.

Đến năm 2014 bố ông mới chết, lúc này ông đi làm ăn trong Miền Nam. Trước đây trên đất có nhà của bố mẹ ông. Đến năm 2011, 2012, bố và các chị em đã họp gia đình thống nhất cho ông là Lê Văn Thảnh và anh là Lê Văn Thơi mỗi người một nửa trong diện tích đất nói trên theo "Giấy ủy quyền" viết ngày 10-10-2011 và "Biên bản họp gia đình" ngày 10- 01- 2012. Giữa ông và ông Lê Văn Thơi tuy chưa tách thửa đối với diện tích đất của bố mẹ cho để sử dụng riêng, nhưng các ông đã quản lý và sử dụng chung ổn định từ năm 2012 đến nay, hàng năm nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước. Trong thời gian đi làm xa, ông có trao đổi nhờ ông Lê Văn Thơi quản lý đất chung của hai anh em. Ông Lê Văn Thơi đã cho con trai là anh Lê Văn Thuận, con dâu là chị Đoàn Thị Dung mượn đất để đầu tư làm sân bóng.

Do hạn chế về hiểu biết quy định của pháp luật, việc cho đất của gia đình ông đã làm thủ tục đơn giản. Tuy vậy, khi cho đất giữa bố và chị em trong gia đình là hoàn toàn tự nguyện, thống nhất cao, có người làm chứng. Trong thời gian dài các ông sử dụng đất, các chị em hoàn toàn không có ai phản phản đối. Việc vợ chồng ông được cơ quan có thẩm quyền Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là theo đúng trình tự thủ tục quy định. Hơn nữa, mẹ ông chết đến nay hơn 30 năm đã hết thời hiệu yêu cầu chia thừa kế. Diện tích đất này đã được bố và chị em thống nhất cho các ông. Cách đây 3 năm nhà đã cũ không sử dụng được nên ông đã phá đi, hiện tại nhà không còn, chỉ còn đất. Nay các chị gái ông khởi kiện ông không đồng ý chia đất.Vì vậy ông đề nghị như sau:

Thứ nhất: Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng diện tích đất 1862m^2 tại thửa 71 tờ bản đồ số 06 ở thôn Trung Thượng, xã Hoằng Hải, của bố mẹ là các cụ Lê Văn Cơi và Lê Thị Ngơ.

Thứ hai: Ông là người được bố tặng cho đất, quản lý đất của mẹ liên tục từ trước đến nay nên được công nhận và giao quyền sử dụng hợp pháp toàn bộ diện tích đất của bố mẹ cho ông.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

1. Tại Công văn số 2098/UBND-TNMT ngày 09/9/2022 và Công văn số 1392/TNMT ngày 19/10/2022, Ủy ban nhân dân huyện Hoằng Hóa trình bày:

- Về cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Kiểm tra sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập năm 2004 lưu tại xã Hoằng Hải thể hiện: Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 06 bản đồ địa chính xã Hoằng Hải lập năm 1996, được cấp Giấy chứng nhận số vào sổ: H00089, cấp ngày 30/9/2004, diện tích: 1892m^2, chủ sử dụng Ông Lê Văn Th và bà Lê Thị Sợi.

Sau khi phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất Hoằng Hóa đã kiểm tra, rà soát hồ sơ lưu trữ thì không có hồ sơ lưu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số vào sổ: H00089, cấp ngày 30/9/2004, diện tích: 1892m^2, chủ sử dụng Ông Lê Văn Th và bà Lê Thị Sợi.

Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ cho Ông Lê Văn Th và bà Lê Thị Sợi năm

2004 là áp dụng Luật đất đai năm 2003. Thửa đất trên có nguồn gốc được sử dụng trước ngày 18/12/1980 (không phải đất giao không đúng thẩm quyền) nên tại thời điểm này khi cấp GCNQSDĐ không phải ban hành Quyết định cấp GCNQSDĐ. Nên hiện nay tại Phòng tài nguyên và môi trường không có quyết định cấp GCNQSDĐ nêu trên.

- Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND xã Hoằng Hải chuyển lên; đối chiếu các quy định của pháp luật đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan; xét thấy hồ sơ đảm bảo theo quy định của pháp luật đất đai năm 2003, UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Lê Văn Th và bà Lê Thị Sợi, số vào sổ: H00089, cấp ngày 30/9/2004, diện tích: 1.892m^2.

Đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ, chứng cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Tại Công văn số 89/UBND-ĐCXD ngày 07/9/2022 và Công văn số 137/CV-UBND ngày 10/11/2022, UBND xã Hoằng Hải trình bày:

- Về hồ sơ lưu trữ các thời kỳ, hồ sơ cấp GCNQSDĐ thửa đất số 71, tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính năm 1996 xã Hoằng Hải.

Hồ sơ 299/TTg lập năm 1985: Thửa đất số 144, tờ 03, diện tích 2100m^2 , loại đất T, chủ sử dụng: Không ghi (Hồ sơ 299/TTg lập năm 1985 xã Hoằng Hải chỉ ghi là "HTX" hoặc không ghi tên chủ sử dụng).

Hồ sơ địa chính năm 1996: Tương ứng với thửa đất số 71, tờ số 6, diện tích: 1892m^2, loại đất T, chủ sử dụng: Lê Văn Cơi.

Hồ sơ địa chính năm 2015: Tương ứng với thửa đất số 76, tờ số 25, diện tích: 1889,3m^2, loại đất T, chủ sử dụng: Lê Văn Thảnh.

- Sổ lưu cấp GCNQSDĐ: Thửa đất số 71, tờ số 6 được UBND huyện Hoằng Hóa cấp GCNQSDĐ ngày 30/9/2004, diện tích: 1892 m^2 mang tên Lê Văn Thảnh và bà Lê Thị Sợi. Tuy nhiên, về hồ sơ cấp GCNQSDĐ tại xã không có hồ sơ lưu.

Sau khi phát sinh tranh chấp, gia đình có đơn đề nghị giải quyết. UBND xã Hoằng Hải đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với diện tích đo thực tế tăng 21m^2 so với GCNQSDĐ: Ngày 03/10/2022 UBND xã phối hợp với cán bộ thôn Trung Thượng tổ chức họp lấy ý kiến khu dân cư về hiện trạng sử dụng đất đối với đất số 71, tờ số 6 bản đồ địa chính năm 1996 (tương ứng thửa đất số 144, tờ 03 bản đồ 299/TTg lập năm 1985). Tại hội nghị, đại diện các hộ gia đình trong khu dân cư Trung Thượng đều có ý kiến về khuôn viên, mốc giới thửa đất vẫn còn nguyên vẹn, không có sự dịch chuyển, xung quanh hộ đã xây dựng tường rào ổn định nhiều năm, không có tranh chấp, không có sự lấn chiếm ra đường giao thông và đến thời điểm hiện nay chưa có phát sinh tranh chấp đối với hộ giáp ranh. Diện tích tăng 21m^2 so với GCNQSDĐ đã cấp do khi lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ ngày 30/9/2004 trích nguyên thửa theo bản đồ địa chính năm 1996 mà không tiến hành đo đạc hiện trạng thửa đất; hiện nay kết quả của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai bằng máy móc hiện đại, chi tiết đến từng điểm đo nên có sai số trong đo đạc.

3. Ông Lê Văn Thơi trình bày:

Về nguồn gốc đất: Các chị em đều thừa nhận diện tích đất 1862m^2 gồm: 500m^2 đất ở và 1362m^2 đất vườn cùng thửa 71 tờ bản đồ số 06; vị trí thôn Trung Thượng, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa do bố mẹ là các cụ Lê Văn Cơi và Lê Thị Ngơ tạo dựng nên. Như vậy, quyền sử dụng diện tích đất này là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng cụ Cơi và cụ Ngơi.

Về phần quyền sử dụng đất của cụ Cơi: Cụ Cơi có 1/2 quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng, nhưng sau khi cụ bà Lê Thị Ngơ chết năm 1991, cụ ông Lê Văn Cơi đã có hai lần tặng cho đất.

- Việc tặng cho lần thứ nhất: Sau khi mẹ chết, các chị và anh đều đã xây dựng gia đình tách hộ ở riêng, chỉ có ông Thảnh ở với cụ Lê Văn Cơi. Cụ Cơi đã tặng cho ông Thảnh toàn bộ diện đất của hai cụ, ông Thảnh đã được UBND huyện Hoằng Hóa cấp GCNQSDĐ số: H00089 ngày 30-9- 2004 đối diện tích đất 1862m2 tại thửa 71 Tờ bản đồ số 06 ở thôn Trung Thượng, xã Hoằng Hải. Cụ Cơi cho ông Thảnh là hoàn toàn tự nguyện, hơn nữa đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận bằng việc cấp GCNQSDĐ cho ông Thảnh. Ý chí tặng cho con trai đất của cụ Cơi còn được thể hiện rõ một lần nữa trong "Giấy ủy quyền" viết ngày 10-10-2011, và "Biên bản họp gia đình" ngày 10-01-2012. Tuy vậy, tại thời điểm năm 2004 thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản của cụ Ngơ vẫn còn nên cụ Cơi chỉ có quyền tặng cho phần tài sản của mình đó là ½ trong diện tích đất chung của hai cụ, do đó hợp đồng tặng cho đất giữa cụ Cơi và ông Thảnh chỉ bị vô hiệu một phần chứ không phải là toàn bộ. Như vậy cũng có nghĩa là phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ Cơi đã được chuyển sang cho ông Thảnh vào năm 2004, sau khi chết cụ Cơi không còn đất để lại, chỉ còn đất của cụ Ngơ.

- Việc tặng cho lần thứ hai: Vào các năm 2011 và 2012, cụ Cơi lại quyết định tặng cho ông Thảnh và ông Thơi đất thể hiện bằng viết "Giấy ủy quyền" và "Biên bản họp gia đình". Mặc dù lần này ý chí tặng cho đất của cụ Cơi cũng là hoàn toàn tự nguyện nhưng không làm thủ tục công chứng hoặc chứng thực, chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận. Hơn nữa, phần diện tích đất của cụ Cơi đã được tặng cho ông Thảnh năm 2004, nay không cần thiết phải làm thủ tục tặng cho một lần nữa. Vì vậy, việc tặng cho đất của cụ Cơi lần này bị coi là không có hiệu lực.

Về phần quyền sử dụng đất của cụ Ngơ: Như đã nêu trên, Cụ Ngơ có ½ quyền sử dụng diện tích đất trong tài sản chung của vợ chồng với cụ Cơi. Theo quy định, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản. Thời điểm mở thừa kế là ngày cụ Ngơ chết ngày 10-01-1991 đến ngày các nguyên đơn yêu cầu chia di sản ngày 25-5-2022 đã quá 30 năm. Vì vậy, các nguyên đơn đã hết quyền yêu cầu chia thừa kế di sản đối với phần quyền sử dụng đất của cụ Ngơ.

Việc quản lý, sử dụng đất: Ông Lê Văn Th là người quản lý, sử dụng liên tục toàn bộ diện tích đất gồm phần đất được cụ Cơi cho và phần đất của cụ Ngơ để lại sau khi chết từ năm 2004 đến nay, nộp thuế sử đất hàng năm đầy đủ. Khi đi làm xa, ông Thảnh có nhờ người trông giữ, không phải là từ bỏ quyền quản lý, sử dụng đất.

Theo bản đồ địa chính năm 1996 chỉ có tên ông Lê Văn Cơi, thời kỳ này có Ông Lê Văn Th ở cùng bố. Việc UBND cấp giấy CNQSD đất lần đầu tiên là cấp cho ông Thảnh, nay đồng nguyên đơn khởi kiện ông không đồng ý. Nếu phải chia ông đề nghị nếu bán đất thì chia bằng tiền, không chia đất. Nếu phải chia đất ông tự nguyện nhường phần thừa kế của ông cho Ông Lê Văn Th được hưởng.

4. Bà Lê Thị Cừ trình bày: Bà thống nhất với nội dung trình bày của đồng nguyên đơn. Khi bà được chia thừa kế, kỷ phần bà được hưởng bà xin nhận bằng quyền sử dụng đất và giao cho bà Cống và bà Khánh nhận và kê khai làm thủ tục đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Bà Lê Thị Ngay trình bày: Bà thống nhất với nội dung trình bày của đồng nguyên đơn. Khi bà được chia thừa kế, kỷ phần bà được hưởng bà không nhận, giao lại cho các đồng thừa kế được hưởng, toàn quyền định đoạt.

6. Bà Lê Thị Sợi trình bày: Bà đồng ý về họ tên bố mẹ, anh chị em trong gia đình, nguồn gốc đất là của bố mẹ ông Thảnh như nguyên đơn trình bày trên là đúng. Bà là vợ của ông Lê Văn Thảnh, con dâu của các cụ Lê Văn Cơi và Lê Thị Ngơ.

Bố mẹ chồng của bà có tài sản chung là 500m^2 đất ở và 1.362m^2 đất vườn cùng thửa 71 tờ bản đồ số 06 tại thôn Trung Thượng, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Do vợ chồng bà ở cùng cụ Cơi, nên năm 2004 được cụ Cơi tặng cho toàn bộ diện đất của bố mẹ. Trên cơ sở ấy, Ủy ban nhân dân huyện Hoằng Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00089, ngày 30/9/2004 cho vợ chồng bà là Lê Văn Thảnh và Lê Thị Sợi. Vợ chồng bà đã quản lý và sử dụng đất ổn định từ năm 2004 đến nay, hàng năm nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Nay đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản của cụ Cơi. Quan điểm của bà không đồng ý chia thừa kế tài sản là đất của bố chồng bà để lại vì đất đã được bố tặng cho vợ chồng bà, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đứng tên Lê Văn Thảnh và Lê Thị Sợi. Trường hợp nếu Tòa án chia thừa kế thì chia cho vợ chồng bà hoặc giao cho mình chồng bà là ông Lê Văn Thảnh được quyền sử dụng, quản lý thì bà cũng đồng ý, bà không có ý kiến khiếu nại gì.

7. Anh Lê Văn Thuận và chị Đoàn Thị Dung trình bày:

Anh Thuận và chị Dung là con trai và con dâu ông Lê Văn Thơi. Năm 2020, được sự đồng ý của ông Thảnh và ông Thơi, anh chị làm sân cỏ nhân tạo đá bóng với kinh phí 750.000.000 đồng. Trong thời gian làm sân cỏ nhân tạo khoảng 2 tháng không có bất kỳ ai cản trở và phản đối. Sân cỏ đã đi vào hoạt động được 02 năm. Vừa qua anh chị nhận được thông báo của Tòa án về việc tranh chấp thừa kế đối với khu đất anh chị làm sân bóng. Tòa án đã về thẩm định và định giá tài sản gắn liền trên đất anh chị hoàn toàn nhất trí các giá trị mà ban thẩm định giá đã đưa ra. Tuy nhiên, hiện trạng mảnh đất mà anh chị sử dụng làm sân bóng trước đó có độ sâu thấp hơn rất nhiều so với đường cái và một nửa của mảnh đất là ao sâu. Việc san lấp lấy mặt bằng để làm sân bóng tốn rất nhiều kinh phí. Giá trị định giá của Hội đồng định giá đưa ra chưa đúng với quá trình anh chị đã thực hiện khi làm

sân cỏ nhân tạo. Anh chị sẽ trình bảng tổng hợp các nguyên vật liệu mà anh chị sử dụng cho việc san lấp mặt bằng cho Tòa án để Tòa án xem xét, quyết định yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bồi hoàn lại kinh phí mà anh chị đã đầu tư làm sân cỏ nhân tạo trên khu đất đang tranh chấp.

Ngày 18/01/2023, anh Thuận trình bày: Do ở vùng nông thôn các đơn vị thi công không thuộc doanh nghiệp nên đa số hợp đồng thuê mượn vật liệu để thi công đều là hợp đồng miệng nên không có hóa đơn để cung cấp cho Tòa án. Do dịch bệnh Covid-19 nên vợ chồng anh chưa thu hồi được vốn. Nếu phải chia thừa kế là đất thì nguyện vọng của anh là những người được hưởng thừa kế phải trả lại số tiền vợ chồng anh đã đầu tư. Nếu được anh xin tiếp tục kinh doanh khai thác sân bóng thêm 03 năm tiếp theo để thu hồi vốn đầu tư.

** Người làm chứng:*

1. Ông Lê Văn Cầm trình bày: Cụ Lê Văn Cơi là chú ruột của ông. Ông có ký vào Giấy ủy quyền đề ngày 10/10/2011 và Biên bản họp gia đình đề ngày 10/01/2012 là đúng. Ông chỉ đến để đọc và ký tên, lúc này mắt của cụ Cơi đã kém, tay run. Khi ông đến nhà cụ Cơi thì chỉ có cụ Cơi và các con trai là ông Thảnh và ông Thơi, còn các bà con gái có mặt hay không ông không rõ. Nội dung là ủy quyền lại cho con trai là Lê Văn Thảnh được sử dụng thửa đất của cụ Cơi.

2. Bà Nguyễn Thị Vân trình bày: Bà là cán bộ địa chính của UBND xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa từ năm 2001 đến năm 2006. Năm 2004, ông Lê Văn Cơi và Ông Lê Văn Th là công dân xóm 6, thôn Trung Thượng, xã Hoằng Hải có đến phòng địa chính xã Hoằng Hải gặp bà và yêu cầu của ông Cơi là chuyển tất cả diện tích đất 1.862m^2 của ông tại thửa 71 tờ bản đồ số 06 cho con trai út là Lê Văn Thảnh là con trai út của ông lúc bấy giờ đang ở cùng ông Cơi. Bà đã hướng dẫn ông Cơi và ông Thảnh làm tất cả thủ tục theo quy định của pháp luật (Giấy khai sinh của ông Cơi, ông Thảnh, sổ hộ khẩu, biên bản họp gia đình, biên bản cho tặng). Sau khi đầy đủ thủ tục cho tặng, bà Vân hoàn thiện thủ tục và Chủ tịch UBND xã chuyển lên Phòng tài nguyên và môi trường huyện Hoằng Hóa để cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông Thảnh. Hồ sơ lưu trữ bị thất lạc bà không liên quan gì.

* Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích đất thực tế là 1.913,2m^2.

* Theo Biên bản định giá ngày 12 tháng 8 năm 2022, thể hiện:

1. Về đất:

- Đất ở: 600.000đ/m^2 x 500m^2 = 300.000.000đ;

- Đất vườn (tính giá đất trồng cây lâu năm cùng thửa với thửa đất ở là 27.000đ/m^2 và bao gồm cả hỗ trợ đất trồng cây lâu năm cùng thửa với thửa đất ở là 286.500đ/m^2, tổng cộng là 313.500đ/m^2):

Theo CNQSDĐ diện tích đất vườn: 1.392m^2 x 313.500đ/m^2 = 436.392.000đ;

Còn theo thực tế diện tích đất vườn: 1.413,2m^2 x 313.500đ/m^2 = 443.038.200đ.

Tổng cộng diện tích đất theo GCNQSD đất là 1.892m^2, trị giá 736.392.000đ. Còn theo hiện trạng đo thực tế thì diện tích đất là 1.913,2m^2, có giá trị là 743.038.200đ.

Tại thời điểm tiến hành định giá, khu vực xung quanh không có giao dịch nên không có cơ sở để định giá theo giá thị trường.

2. Về vật kiến trúc trên đất:

- Về tường rào xây gạch không nung: tổng chiều dài (127,9 + 28) x 129.000đ/m² = 21.272.000đ;

- Cánh cổng sắt phía Đông (1): (1,95m x 1,6m) x 388.000đ/m² = 1.210.560đ;

- Cánh cổng sắt phía Tây (2): 2,0m x 3,97m x 388.000đ/m² = 3.017.200đ;

- Cửa cổng vào sân bóng: 2,2m x 1,1m x 388.000đ/m² = 938.960đ;

- Lưới B40: 0,8m x 116,94m x 280.000đ = 26.194.000đ;

- Móng tường (tính theo tường rào): 0,8m x 33,26m x 129.000đ = 3.431.400đ;

- Sân cỏ nhân tạo: 1592m² x 200.000đ/m² = 318.400.000đ;

- Cột điện ly tâm loại cao 10,5m: 06 cột x 5.000.000đ/cột = 30.000.000đ;

- Bóng cao áp (di chuyển được) + lưới cước (di chuyển được) nên không định giá;

- Nhà vệ sinh: 2,2m² x 1.296.000đ = 2.851.200đ;

- San lấp ao: 350m^2 x 1,5m x 120.000đ/m^3 = 63.000.000đ;

- Khung Gôn (di chuyển được) nên không định giá.

Tổng tài sản trên đất là: 470.315.320 đồng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Lê Thị Ngơ; giữ nguyên yêu cầu về chia tài sản thừa kế của cụ Lê Văn Cơi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: H00089 tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 6, diện tích: 1892m^2 do UBND huyện Hoằng Hóa cấp ngày: 30/9/2004 mang tên Lê Văn Thảnh và bà Lê Thị Sợi.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Thơi giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn Thuận và chị Đoàn Thị Dung đề nghị những người được hưởng thừa kế phải trả lại số tiền vợ chồng anh chị đã đầu tư và thống nhất tài sản trên đất như giá Hội đồng định giá đã định giá.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 34; khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013; Điều 620; Điều 623; Điều 649; Điều 651; Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà các đồng nguyên đơn đã rút, đó là hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Lê Thị Ngơ.

2. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện sau của đồng nguyên đơn:

- Công nhận toàn bộ thửa đất số 71, tờ bản đồ số 06, diện tích 1913,2m^2 tại thôn Trung Thượng, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa là của cụ Lê Văn Cơi và cụ Lê Thị Ngơ.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: H00089 tại thửa đất số 71. Tờ bản đồ số 6, diện tích: 1892m^2 do UBND huyện Hoằng Hóa cấp ngày: 30/9/2004 mang tên Ông Lê Văn Th và bà Lê Thị Sợi.

- Chia tài sản thừa kế: (Có sơ đồ kèm theo)

+ Chia cho Ông Lê Văn Th 1213,2m^2; trong đó 300m^2 đất ở, 913,2m^2 đất trồng cây lâu năm; có tứ cận như sau:

. Phía Bắc giáp hộ ông Đặng Xuân Lãm, bà Bùi Thị Thắm dài 17,89m; 17,06m;

. Phía Nam giáp đường bê tông dài 14,48m; 20,66m; 1,26m;

. Phía Đông giáp đường bê tông dài 21,76m; 10,31m;

. Phía Tây giáp đất chia cho đồng nguyên đơn và bà Cừ dài 35,56m;

+ Chia cho đồng nguyên đơn và bà Cừ 700m^2 trong đó 200m^2 đất ở, 500m^2 đất trồng cây lâu năm. Công nhận sự tự nguyện của Bà Lê Thị C, bà Lê Thị Cáng, bà Lê Thị Bảy, bà Lê Thị Khánh và bà Lê Thị Cừ giao toàn bộ 700m^2 đất được chia cho Bà Lê Thị C và bà Lê Thị Khánh; có tứ cận như sau:

. Phía Bắc giáp hộ ông Đặng Xuân Lãm, bà Bùi Thị Thắm dài 15,32m; 3,00m;

. Phía Nam giáp đường bê tông dài 13,57m; 3,29m; 2,48m;

. Phía Đông giáp đất chia cho ông Thảnh dài 35,56m;

. Phía Tây giáp đường bê tông dài 1,76m; 29,48m; 3,54m;

Ông Lê Văn Th, Bà Lê Thị C, bà Lê Thị Khánh có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của vợ chồng anh Lê Văn Thuận và chị Đoàn Thị Dung:

Buộc Ông Lê Văn Th phải giao lại vợ chồng anh Thuận, chị Dung số tiền 148.148.910 đồng. Bà Lê Thị C, bà Lê Thị Cáng, bà Lê Thị Bảy, bà Lê Thị Khánh và bà Lê Thị Cừ phải giao lại vợ chồng anh Thuận, chị Dung số tiền 87.008.000 đồng; mỗi người là 17.401.600 đồng.

Buộc vợ chồng anh Lê Văn Thuận, chị Đoàn Thị Dung tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất để giao lại đất cho những người được chia tài sản thừa kế.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị C, bà Lê Thị Cáng, bà Lê Thị Bảy, bà Lê Thị Khánh, bà Lê Thị Cừ không phải chịu án phí. Ông Lê Văn Th phải chịu 30.507.000đ. Vợ chồng anh Lê Văn Thuận và chị Đoàn Thị Dung phải chịu 11.757.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/3/2023, bị đơn là Ông Lê Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Thơi kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 10/3/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-P9 với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Lê Văn Th, ông Lê Văn Thơi giữ nguyên nội dung kháng cáo và nhờ người được ủy quyền là ông Trương Quốc Văn trình bày nội dung kháng cáo. Cụ thể:

Ông Thơi và ông Thảnh không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất của bố các ông là di sản và chia vì thực tế bố các ông là cụ Cơi đã nhiều lần định đoạt đất đó cho ông Thảnh; đã đưa ông Thảnh đến UBND xã đề nghị làm thủ tục kê khai để cấp giấy chứng nhận QSD đất đó cho vợ chồng ông Thảnh; đã được cán bộ địa chính và UBND xã làm thủ tục, được UBND huyện Hoằng Hóa cấp giấy chứng nhận từ năm 2004. Năm 2011 bố các ông còn lập giấy ủy quyền cho hai ông được "kế tiếp" sử dụng đất đó, giấy ủy quyền này có bố các ông ký, ông Lê Văn Cầm là đại diện nội tộc và các ông ký tên. Năm 2012, bố các ông còn lập biên bản họp gia đình có ông Cầm là đại diện dòng họ, ông Thái là Trưởng thôn 6 ký xác nhận. Vì vậy cụ Cơi đã tặng cho hết đất nên khi bố các ông chết thì đã không còn đất là di sản để chia thừa kế. Phần đất của mẹ các ông đã hết thời hiệu, nên đề nghị giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Thảnh được cấp năm 2004. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Nếu phải chia thừa kế thì đề nghị tính công sức gìn giữ, tôn tạo tài sản của ông Thảnh theo quy định.

Các đồng nguyên đơn do người được ủy quyền là ông Đào Xuân Cơ không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông Thơi và ông Thảnh; nhất trí với bản án sơ thẩm về việc phần di sản của cụ Ngơ đã hết thời hiệu nên tiếp tục do ông Thảnh sử dụng, không yêu cầu giải quyết. Về việc năm 2004 cụ Cơi và ông Thảnh cùng lên UBND xã để làm thủ tục tặng cho đất là không đúng vì chính ông Thảnh khai không có việc lên UBND xã, mâu thuẫn với lời khai của cán bộ địa chính xã là bà Vân; nay không có hồ sơ cấp giấy chứng nhận của ông Thảnh nên không biết việc cấp đó như thế nào nên việc cấp giấy cho vợ chồng ông Thảnh là sai; nhất trí với việc tài sản của bố mẹ thì cho ai là quyền của bố mẹ không cần sự đồng ý của các con nhưng cả 02 giấy tặng cho do ông Thơi xuất trình lại mâu thuẫn nhau. Bà Ngay, bà Cống không tham gia và không được ký giấy đó; ông Thảnh không biết chữ nhưng lại có chữ ký tên ông Thảnh trong giấy đó chữ đẹp là giấy giả mạo. Từ năm 2014 sau khi cụ Cơi chết thì ông Thảnh đã dỡ nhà của các cụ đi miền Nam làm ăn nên không còn nhà để thờ cúng. Vì vậy ông Thảnh, ông Thơi không có công sức gìn giữ di sản nên không được tính. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Kháng cáo của Ông Lê Văn Th và ông Lê Văn Thơi; kháng nghị của Viên trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đều phù hợp với quy định nên cần được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao rút nội dung kháng nghị đối với phần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Thảnh vì việc hủy là cần thiết. Bổ sung nội dung kháng nghị đối với phần án sơ thẩm buộc ông Thảnh chịu án phí dân sự sơ thẩm cả phần di sản của cụ Ngơ đã hết thời hiệu; buộc ông Thảnh chịu án phí đối với phần tài sản mà ông Thơi được hưởng nhưng nhường lại cho ông Thảnh hưởng khi ông Thảnh không tự nguyện nộp là không đúng quy định.

Về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm trong việc thu thập chứng cứ. Cụ thể tại Biên bản phiên họp công khai chứng cứ thì ông Thơi đã khai và nộp bản photo Giấy ủy quyền lập ngày 10/10/2011 và Biên bản họp gia đình ngày 10/01/2012 có chữ ký của cụ Cơi, ông Cầm và Trưởng thôn là ông Thái. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải yêu cầu ông Thơi nộp bản chính để đánh giá nhưng sau khi kết thúc phiên tòa thì chiều cùng ngày ông Thơi mới nộp bản chính. Tuy nhiên nội dung bản chính và bản photo là giống nhau và cũng đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm hỏi làm rõ, đánh giá tại phiên tòa vẫn là vi phạm. Khi quyết định, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định chưa đủ cơ sở việc cụ Cơi cho ông Thảnh, ông Thơi toàn bộ đất đó là đúng. Ông Thảnh không xuất trình được giấy tờ cụ Cơi cho đất, hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho ông Thảnh không còn lưu giữ nên việc cấp giấy cho ông Thảnh là không đúng đối tượng sử dụng đất, tại bản án sơ thẩm đã hủy giấy chứng nhận cấp năm 2004 này là có căn cứ.

Về chia thừa kế: Do phần di sản của cụ Ngơ đã hết thời hiệu nên tại bản án sơ thẩm đã giao cho ông Thảnh tiếp tục quản lý là có căn cứ. Phần di sản còn lại của cụ Cơi, do bà Ngay không nhận nên đã chia làm 07 kỷ phần là có căn cứ; nhưng khi chia đã chưa tính công sức tu bổ cho ông Thảnh là người quản lý di sản là không đúng tinh thần Án lệ số 05/2016. Việc buộc ông Thảnh phải chịu án phí cả phần di sản đã hết thời hiệu của cụ Ngơ và phần di sản được ông Thơi cho khi ông Thảnh không tự nguyện là thiệt hại cho ông Thảnh.

Do các vi phạm và thiếu sót trên đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của ông Thảnh, ông Thơi, một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết lại theo đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của Ông Lê Văn Th và ông Lê Văn Thơi; Kháng nghị của Viên trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đều phù hợp với quy định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xin rút một phần kháng nghị về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Ông Lê Văn Th và vợ là bà Lê Thị Sợi; bổ sung nội dung kháng nghị đối với phần quyết định về án phí đối với ông Thảnh nên được chấp nhận để xét.

Tại phiên tòa, UBND huyện Hoằng Hóa vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của Ông Lê Văn Th và ông Lê Văn Thơi; Kháng nghị của Viên trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

[2.1] Về nguồn gốc toàn bộ diện tích đất các đương sự đang có tranh chấp: Tại bản án sơ thẩm đã xác định: Quá trình giải quyết vụ án, tất cả các đương sự đều thừa nhận thửa đất số 71, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.892m^2 tại thôn Trung Thượng, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Lê Văn Cơi và Lê Thị Ngơ. Nên xác định tài sản thừa kế của hai cụ là thửa đất số 71, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.892m^2 là có căn cứ. Theo kết quả thẩm định tại chỗ thực tế diện tích đất là đang có tranh chấp là 1.913,2m$^{2.}$

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện thừa kế: Cụ Lê Văn Cơi chết năm 2014; cụ Lê Thị Ngơ chết năm 1991 đều không để lại di chúc.

Ngày 20/5/2022, đồng nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Cơi và cụ Ngơ. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định theo khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *"Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản… Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó".* Theo đó, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế đối với cụ Cơi còn thời hiệu. Đối với thời hiệu của cụ Ngơ đã quá 30 năm và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu; tại phiên tòa sơ thẩm đồng nguyên đơn cũng rút yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Ngơ và đồng ý để lại 1/2 khu đất của cụ Ngơ cho ông Thảnh; nên tại bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự giao 1/2 khu đất cho ông Thảnh, bà Sợi tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp với quy định.

[2.3] Khi giải quyết chia di sản phần còn lại của cụ Lê Văn Cơi, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định về diện thừa kế là đầy đủ. Cụ thể:

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Cơi là: Bà Lê Thị C, bà Lê Thị Cáng, bà Lê Thị Bảy, bà Lê Thị Khánh, bà Lê Thị Cừ, bà Lê Thị Ngay, ông Lê Văn Thơi và Ông Lê Văn Th; nên diện thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Cơi là 08 kỷ phần; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, bà Lê Thị Ngay không nhận kỷ phần của bà mà bà tự nguyện giao lại cho các đồng thừa kế được hưởng, toàn quyền định đoạt nên còn lại 07 kỷ phần. Đồng nguyên đơn và bà Lê Thị Cừ thống nhất được nhận thừa kế bằng đất và lấy cùng một khu mang tên bà Khánh và bà Cáng. Ông Thơi yêu cầu nếu được chia tài sản thừa kế thì cho ông

Thảnh. Bà Lê Thị Sợi là người đứng tên cùng ông Thảnh trong GCNQSDĐ, bà Sợi đồng ý giao toàn bộ tài sản của cụ Cơi và cụ Ngơ cho ông Thảnh quản lý, sử dụng là đầy đủ và đúng quy định.

Tuy nhiên, như đã nhận định tại phần trên [2.1] về nguồn gốc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 06, diện tích 1892m^2 tại thôn Trung Thượng, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa là của vợ chồng cụ Lê Văn Cơi và Lê Thị Ngơ. Cả hai cụ đều đã chết và không để lại di chúc, diện tích thực tế là 1.913,2m^2, trên đất không có tài sản. Trong tổng diện tích 1.913,2m^2 đất là di sản này thì có 1/2 là di sản của cụ Lê Thị Ngơ đã hết thời hiệu chia theo quy định nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết, ai đang quản lý được tiếp tục quản lý mới đúng; vì vậy chỉ xem xét, giải quyết đối với 1/2 diện tích đất còn lại thuộc quyền của cụ Lê Văn Cơi. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tại bản án sơ thẩm đã nhận định: "*Không có thủ tục giấy tờ của cụ Cơi và anh em trong gia đình đồng ý sang tên đổi chủ sử dụng đất cho ông Thảnh, bà Sợi. Vợ chồng ông Thảnh không xuất trình được tài liệu, văn bản nào chứng minh việc cụ Cơi đã cho ông bà toàn bộ diện tích đất trên. UBND huyện Hoằng Hóa và UBND xã Hoằng Hải đều trình bày không có hồ sơ lưu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số vào sổ: H00089, cấp ngày 30/9/2004" này*. Từ đó đã xác định *"việc ông Thảnh và ông Thơi khẳng định việc cụ Cơi giao đất cho ông Thảnh hay giao đất cho cả ông Thảnh và ông Thơi là mâu thuẫn và không có cơ sở chấp nhận. Do đó, việc cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông Thảnh, bà Sợi là không đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận đề nghị của đồng nguyên đơn hủy GCNQSDĐ số H00089, cấp ngày 30/9/2004, diện tích: 1.892m^2, mang tên Ông Lê Văn Th và bà Lê Thị Sợi"* là có căn cứ về hình thức. Nhưng trong diện tích đã được cấp giấy đứng tên vợ chồng ông Thảnh thì nay có phần của cụ Ngơ đã hết thời hiệu nên không xét.

Phần còn lại của cụ Lê Văn Cơi thì bà Nguyễn Thị Vân nguyên là cán bộ địa chính xã Hoằng Hải, thời điểm đó khai xác định bố con cụ Cơi và ông Thảnh có lên Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục tặng cho đất, từ đó vợ chồng ông Thảnh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004, lúc này cụ Cơi còn sống, minh mẫn và đang quản lý nhà, đất này. Tiếp đó ngày 10/10/2011 cụ Lê Văn Cơi lại lập "Giấy ủy quyền" với nội dung giao cho ông Thảnh và ông Thơi "kế tiếp" sử dụng mỗi người một nửa đất này, giấy ủy quyền có chữ ký của cụ Cơi, có người làm chứng là ông Lê Văn Cầm là cháu (gọi cụ Cơi bằng chú ruột). Ngày 10/01/2012 cụ Lê Văn Cơi lại tiếp tục lập và ký "Biên bản họp gia đình" cũng với nội dung giao cho ông Thơi và ông Thảnh được sử dụng mỗi người ½ diện tích đất nêu trên. Tuy biên bản này không được chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền nhưng biên bản này có chữ ký xác nhận của ông Lê Văn Thái là Trưởng thôn 6 và tiếp tục có chữ ký làm chứng của ông Lê Văn Cầm.

Tuy Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc không yêu cầu ông Thơi giao nộp bản chính của văn bản này để công khai chứng cứ, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm đã tiến hành tranh tụng về nội dung của hai văn bản; theo đó ông Cầm xác định

đúng chữ ký và sự việc trong cả hai văn bản; trong đó còn có chữ ký của bà Cống, bà Ngay, nhưng các đương sự đều không có yêu cầu giám định chữ ký của cụ Lê Văn Cơi trong các văn bản đó. Vì vậy cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong thủ tục thu thập chứng cứ.

Từ các nhận định trên, có đủ căn cứ xác định cụ Lê Văn Cơi đã nhiều lần thể hiện ý chí của mình trong việc giao diện tích đất đó cho vợ chồng ông Thảnh và cho ông Thảnh, ông Thơi được quyền sử dụng. Đến năm 2014 cụ Cơi mới chết và không có ý kiến nào phản đối. Vì vậy có căn cứ xác định khi còn sống cụ Cơi đã định đoạt hết tài sản của mình là quyền sử dụng đất; nay không còn quyền sử dụng đất là di sản để chia. Nhưng tại bản án sơ thẩm đã xác định "không có cơ sở để xác định việc cụ Cơi cho vợ chồng ông Thảnh toàn bộ khu đất" là chưa đánh giá đúng ý chí của cụ Lê Văn Cơi. Đối với Ông Lê Văn Th và ông Lê Văn Thơi nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Vì vậy cần sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện chia tài sản của các đồng nguyên đơn đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên mới đúng quy định. Do bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nội dung kháng nghị về xem xét tính công sức quản lý, tu bổ di sản đối với vợ chồng Ông Lê Văn Th là không cần thiết. Về án phí cũng cần được quyết định lại theo đúng quy định pháp luật. Cụ thể: Các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ Ngơ đã hết thời hiệu, của cụ Cơi không được chấp nhận; các đồng nguyên đơn đều là người trên 60 tuổi nên không phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch.

Tổng giá trị toàn bộ khu đất là 743.038.200 đồng; giao lại cho ông Thảnh 1/2 trị giá khu đất là 371.519.100 đồng nên ông Thảnh phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định.

Về nội dung liên quan đến yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng anh Lê Văn Thuận, chị Đoàn Thị Dung nếu có tranh chấp với vợ chồng ông Thảnh về tài sản đã đầu tư trên đất nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết khi có yêu cầu theo thủ tục chung nên án phí sơ thẩm đối với vấn đề này cũng được sửa lại.

Bà Cống, bà Cáng, bà Bảy, bà Khánh khởi kiện nhưng không được chấp nhận lẽ ra phải chịu án phí

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Lê Văn Th và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Thơi; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-P9 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể:

Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị C, bà Lê Thị Cáng, bà Lê Thị Bảy, bà Lê Thị Khánh về việc "Tranh chấp tài sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" đối với thửa đất số 71 tờ bản đồ số 06, diện tích 1.892m^2 tại thôn Trung Thượng, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa do Ông Lê Văn Th đang quản lý.

[3]. Về án phí:

- Ông Lê Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả Ông Lê Văn Th 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lại số 0000334 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Lê Văn Th phải chịu 18.575.955 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị C, bà Lê Thị Cáng, bà Lê Thị Bảy, bà Lê Thị Khánh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học **Phạm Việt Hà** **Nguyễn Vũ Đông**

Nơi nhận:
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA, P.HCTP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Đông